

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	<u>Trang</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	01-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	04
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	05-06
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	07-26

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		217.840.812.765	190.038.041.832
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	36.099.041.976	8.219.436.075
111	1. Tiền		10.099.041.976	7.219.436.075
112	2. Các khoản tương đương tiền		26.000.000.000	1.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.400.000.000	5.300.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		3.400.000.000	5.300.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		90.053.777.696	105.178.420.745
131	1. Phải thu của khách hàng		92.260.788.877	91.294.550.288
132	2. Trả trước cho người bán		1.935.227.275	2.470.433.987
135	5. Các khoản phải thu khác	5	202.385.121	15.214.778.470
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.344.623.577)	(3.801.342.000)
140	IV. Hàng tồn kho	6	86.873.066.219	68.476.585.862
141	1. Hàng tồn kho		86.873.066.219	68.476.585.862
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.414.926.874	2.863.599.150
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		328.627.070	211.985.932
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	74.000.697
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	-	218.837.015
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	8	1.086.299.804	2.358.775.506
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		399.160.768.201	347.606.364.770
220	II. Tài sản cố định		106.004.233.721	104.369.764.514
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	102.292.593.233	98.661.849.976
222	- Nguyên giá		183.451.740.838	169.013.422.168
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(81.159.147.605)	(70.351.572.192)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	2.557.185.697	2.734.364.839
228	- Nguyên giá		3.104.071.126	3.104.071.126
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(546.885.429)	(369.706.287)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	1.154.454.791	2.973.549.699
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	284.049.984.955	234.215.910.403
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		284.049.984.955	229.283.510.403
258	3. Đầu tư dài hạn khác		-	4.932.400.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		8.702.045.822	8.565.735.687
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	8.471.238.116	8.510.318.447
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		230.807.706	55.417.240
269	VI. Lợi thế thương mại		404.503.703	454.954.166
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		617.001.580.966	537.644.406.602

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		160.686.531.130	146.615.739.089
310	I. Nợ ngắn hạn		149.433.164.311	140.268.414.559
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	46.689.792.327	41.365.665.591
	- Vay ngắn hạn		46.689.792.327	41.365.665.591
	- Nợ dài hạn đến hạn trả		-	-
312	2. Phải trả người bán		15.275.048.584	29.493.507.782
313	3. Người mua trả tiền trước		26.741.415.516	13.972.199.275
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	3.418.029.818	3.023.868.757
315	5. Phải trả người lao động		3.215.314.737	2.113.318.592
316	6. Chi phí phải trả	16	3.987.541.343	3.925.260.435
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	46.024.806.168	41.864.149.929
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		1.902.993.961	1.641.134.800
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		2.178.221.857	2.869.309.398
330	II. Nợ dài hạn		11.253.366.819	6.347.324.530
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	49.885.000
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		508.831.638	131.088.765
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		3.766.521.900	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		6.978.013.281	6.166.350.765
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		422.516.634.807	359.331.742.479
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	421.627.460.439	358.712.862.747
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		320.000.000.000	320.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		91.683.218	2.510.470
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(386.131)	478.045.670
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.439.452.887	551.688.482
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		252.935.908	-
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		99.843.774.557	37.680.618.125
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		889.174.368	618.879.732
432	1. Nguồn kinh phí	19	(29.000.000)	(413.194.636)
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		918.174.368	1.032.074.368
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		33.798.415.029	31.696.925.034
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		617.001.580.966	537.644.406.602

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
		VND	VND
4. Nợ khó đòi đã xử lý		3.825.930.046	4.010.821.689
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		2.085,95	118.053,23

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	409.278.104.548	184.952.942.796
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	1.160.427.284	1.576.475.027
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	408.117.677.264	183.376.467.769
11	4. Giá vốn hàng bán	23	316.900.312.102	143.228.077.874
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		91.217.365.162	40.148.389.895
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	5.275.358.381	839.943.381
22	7. Chi phí tài chính	25	6.183.244.112	1.566.276.766
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		5.164.511.108	1.170.866.765
24	8. Chi phí bán hàng		27.232.405.055	12.244.339.446
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		31.512.132.799	12.867.163.437
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		31.564.941.577	14.310.553.627
31	11. Thu nhập khác		1.940.854.590	386.363.136
32	12. Chi phí khác		118.543.867	10.869.280
40	13. Lợi nhuận khác		1.822.310.723	375.493.856
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		55.153.787.120	28.935.885.294
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		88.541.039.420	43.621.932.777
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	6.887.356.791	2.065.642.975
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		(230.807.706)	(55.417.240)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		81.884.490.335	41.611.707.042
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		6.738.994.883	3.320.977.934
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		75.145.495.452	38.290.729.108
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	2.348	1.197

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởngPhạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		440.159.016.618	180.025.669.532
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(308.146.824.525)	(127.931.322.316)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(47.610.823.493)	(21.086.963.317)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(5.303.540.791)	(1.105.357.220)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(6.874.077.744)	(413.765.600)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		19.416.215.547	10.763.038.487
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(63.529.647.042)	(43.756.738.043)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		28.110.318.570	(3.505.438.477)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.592.940.872)	(5.180.707.604)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		478.545.455	222.065.254
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(18.250.000.000)	(13.550.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		19.650.000.000	11.850.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(354.000.000)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.932.400.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		17.922.678.216	18.108.413.680
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		11.140.682.799	11.095.771.330
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(90.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		117.516.611.837	46.010.888.362
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(113.759.062.006)	(42.158.662.380)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(15.127.185.000)	(3.133.075.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.369.635.169)	629.150.382
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		27.881.366.200	8.219.483.235

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		8.219.436.075	-
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.760.299)	(47.160)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>36.099.041.976</u>	<u>8.219.436.075</u>

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2010

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội là công ty cổ phần được chuyển đổi (cổ phần hóa) từ Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Chế tạo Điện cơ Hà Nội theo Quyết định số 1531/QĐ-BCT ngày 25 tháng 03 năm 2009 và Quyết định số 3013/QĐ-BCT ngày 15 tháng 06 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động sản xuất kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần kể từ ngày 01/07/2009 căn cứ vào Công văn số 7224/BCT-TC ngày 27/07/2009 của Bộ Công thương.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh của Công ty là: 320.000.000.000 VND. Tương đương 32.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty có các công ty con sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Số 37, Đại Lộ Hồ Chí Minh, TP Hải Dương, Tỉnh Hải Dương
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	KCN Lê Minh Xuân, Quận Bình Chánh, TP Hồ Chí Minh
- Công ty Cổ phần Cơ điện Hà Nội	Xóm 6, Xã Đông Ngạc, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	Km12, Quốc lộ 32, Phú Diễn, Huyện Từ Liêm, TP Hà Nội

Công ty có các công ty liên kết sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Công ty TNHH SAS-CTAMAD	Số 44B, Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty gồm:

- Thiết kế, chế tạo, sửa chữa, lắp đặt và kinh doanh các loại động cơ điện, máy phát điện, máy bơm, máy phát điện, máy biến áp, hệ thống tủ điện, thiết bị điện cao áp và hạ áp dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thi công, lắp đặt công trình, đường dây, trạm thủy điện và trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh bất động sản, khách sạn, cho thuê văn phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2010. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	15 - 40 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 30 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 12 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 06 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính của năm tài chính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh ở khoản mục “Chênh lệch tỷ giá” trong Phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo; chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn vào chi phí dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ, một phần chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Ghi nhận doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	157.190.031	428.783.118
Tiền gửi ngân hàng	9.941.851.945	6.790.652.957
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi kỳ hạn)	26.000.000.000	1.000.000.000
	<u>36.099.041.976</u>	<u>8.219.436.075</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn	2.200.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	1.200.000.000	5.300.000.000
	<u>3.400.000.000</u>	<u>5.300.000.000</u>

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hoá	33.730.000	49.885.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	14.475.925.000
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.795.361	346.828.326
Phải thu khác	165.859.760	342.140.144
	<u>202.385.121</u>	<u>15.214.778.470</u>

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	35.058.504.089	29.596.819.145
Công cụ, dụng cụ	1.256.194.096	1.112.979.274
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	8.235.774.384	5.544.303.001
Thành phẩm	38.868.051.037	31.216.762.938
Hàng hoá	2.772.202.619	100.503.600
Hàng gửi đi bán	682.339.994	905.217.904
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>86.873.066.219</u>	<u>68.476.585.862</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	218.837.015
	<u>-</u>	<u>218.837.015</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Tạm ứng	976.232.443	1.570.406.198
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	110.067.361	788.369.308
	<u>1.086.299.804</u>	<u>2.358.775.506</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	76.109.204.787	74.301.283.602	16.265.901.981	2.315.381.798	21.650.000	169.013.422.168
Số tăng trong năm	1.754.951.864	9.282.375.954	4.871.591.694	421.446.112	-	16.330.365.624
- Mua sắm mới	-	8.212.974.588	4.697.046.240	421.446.112	-	13.331.466.940
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.715.163.689	457.690.293	-	-	-	2.172.853.982
- Tăng khác	39.788.175	611.711.073	174.545.454	-	-	826.044.702
Số giảm trong năm	(114.000.100)	(1.182.991.003)	(253.294.636)	(341.761.215)	-	(1.892.046.954)
- Thanh lý, nhượng bán	(114.000.100)	(1.182.991.003)	(253.294.636)	(341.761.215)	-	(1.892.046.954)
Số dư cuối năm	77.750.156.551	82.400.668.553	20.884.199.039	2.395.066.695	21.650.000	183.451.740.838
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	24.618.411.575	35.853.804.761	8.512.237.897	1.349.677.655	17.440.304	70.351.572.192
Số tăng trong năm	3.189.303.218	6.720.996.779	2.003.114.885	355.194.267	4.209.696	12.272.818.845
- Trích khấu hao	3.189.303.218	6.720.996.779	2.003.114.885	355.194.267	4.209.696	12.272.818.845
Số giảm trong năm	(79.800.070)	(866.006.618)	(177.675.529)	(341.761.215)	-	(1.465.243.432)
- Thanh lý, nhượng bán	(79.800.070)	(866.006.618)	(177.675.529)	(341.761.215)	-	(1.465.243.432)
Số dư cuối năm	27.727.914.723	41.708.794.922	10.337.677.253	1.363.110.707	21.650.000	81.159.147.605
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Đầu năm	51.490.793.212	38.447.478.841	7.753.664.084	965.704.143	4.209.696	98.661.849.976
Cuối năm	50.022.241.828	40.691.873.631	10.546.521.786	1.031.955.988	-	102.292.593.233

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	3.038.689.253	18.000.000	47.381.873	3.104.071.126
Số tăng trong năm	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	3.038.689.253	18.000.000	47.381.873	3.104.071.126
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	343.840.401	11.000.000	14.865.886	369.706.287
Số tăng trong năm	163.012.158	6.000.000	8.166.984	177.179.142
- Trích khấu hao	163.012.158	6.000.000	8.166.984	177.179.142
Số giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	506.852.559	17.000.000	23.032.870	546.885.429
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Đầu năm	2.694.848.852	7.000.000	32.515.987	2.734.364.839
Cuối năm	2.531.836.694	1.000.000	24.349.003	2.557.185.697

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.092.797.554	1.840.224.347
- Công công ty HEM	854.030.000	459.870.909
- Nhà bán mái xưởng Lắp ráp	-	860.068.182
- Khu thử động cơ trung thể	-	457.690.293
- Văn phòng xưởng và nhà để xe	-	41.643.145
- Khảo sát địa chất công trình NM cơ khí CSII - Bơm HD	154.545.455	-
- Các công trình khác	84.222.099	20.951.818
Mua sắm tài sản cố định	61.657.237	1.133.325.352
- Máy đúc áp lực	-	129.163.974
- Khuôn đúc áp lực 3k112 - HEM	61.657.237	-
- Mua xe oto	-	664.285.714
- Máy tiện CNC	-	280.000.000
- Hệ thống sàng cát	-	59.875.664
	1.154.454.791	2.973.549.699

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	284.049.984.955	229.283.510.403
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	284.049.984.955	229.283.510.403
Đầu tư dài hạn khác	-	4.932.400.000
	284.049.984.955	234.215.910.403

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2010 như sau

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	Thành phố Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lợi thế kinh doanh - HEM	3.269.273.967	3.673.720.227
Chi phí thuê đất - HECO	2.700.017.545	2.772.990.993
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	1.112.446.125	1.660.364.314
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ	437.060.971	403.242.913
Chi phí trả trước dài hạn khác	952.439.508	-
	8.471.238.116	8.510.318.447

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Vay ngắn hạn	46.689.792.327	41.365.665.591
- Vay ngân hàng	18.163.792.327	18.145.665.591
- Vay tổ chức khác	20.100.000.000	20.000.000.000
- Vay cá nhân	8.426.000.000	3.220.000.000
	46.689.792.327	41.365.665.591

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Chi tiết vay ngắn hạn

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Hà Nội ⁽¹⁾	1.224.577.769	7.937.425.174
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội ⁽²⁾	14.136.284.848	9.190.072.322
Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Chợ Lớn	-	1.018.168.095
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	2.802.929.710	-
Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam ⁽³⁾	20.000.000.000	20.000.000.000
Công đoàn Công ty	100.000.000	-
Cán bộ công nhân viên ⁽⁴⁾	8.426.000.000	3.220.000.000
	46.689.792.327	41.365.665.591

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

- (1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1500LAV20102958/HMTD ngày 26/05/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối
 - + Lãi suất cho vay: bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau (+) tối thiểu 3%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất của ngân hàng tại thời điểm cho vay;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: cho vay không có tài sản đảm bảo.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD-HM/2010 ngày 01/04/2010, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng ngắn hạn là 45 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng đến 31/03/2011; thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6
 - + Lãi suất cho vay: đối với VND là 12%/năm và USD là 6,5%/năm và được điều chỉnh theo cơ chế điều hành
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: thế chấp, cầm cố bằng tài sản là nhà xưởng, máy móc thiết bị thuộc sở hữu của Công ty.
- (3) Hợp đồng vay vốn số 016/2009/HĐVV/TBĐVN-CTAMAD ngày 08/01/2009, hợp đồng vay vốn số 012/2009/HĐVV/TBĐVN-CTAMAD ngày 19/10/2009 và các phụ lục, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay là 20 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn vay: đến 28/02/2011;
 - + Lãi suất cho vay: 13%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tín chấp.
- (4) Huy động vốn vay của cán bộ công nhân viên Công ty để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, với lãi suất huy động phù hợp với lãi suất thị trường trong từng thời kỳ, thời hạn vay không xác định.

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	749.343.478	383.363.311
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.433.967.280	2.420.688.233
Thuế Thu nhập cá nhân	206.221.943	213.355.145
Các loại thuế khác	28.497.117	6.462.068
	3.418.029.818	3.023.868.757

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Phí bán quyền của hợp đồng li xăng	-	3.070.875.500
Trích trước chi phí lãi vay	343.696.558	373.961.955
Trích trước chi phí thuê đất	-	294.400.000
Trích trước chi phí phải trả khác	3.643.844.785	186.022.980
	<u>3.987.541.343</u>	<u>3.925.260.435</u>

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	220.014.427	92.149.522
Bảo hiểm xã hội	16.657.429	1.096.302
Phải trả về cổ phần hoá	35.258.455.992	35.208.570.992
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.000.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	9.529.678.320	6.562.333.113
	<u>46.024.806.168</u>	<u>41.864.149.929</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘI

Km12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tăng vốn trong năm trước	320.000.000.000	2.510.470	-	-	-	-	320.002.510.470
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	38.290.729.108	38.290.729.108
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	551.688.482	-	-	551.688.482
Chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	478.045.670	-	-	-	478.045.670
Giảm khác	-	-	-	-	-	(610.110.983)	(610.110.983)
Số dư cuối năm trước	320.000.000.000	2.510.470	478.045.670	551.688.482	-	37.680.618.125	358.712.862.747
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	75.145.495.452	75.145.495.452
Chi trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	(12.800.000.000)	(12.800.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	(478.045.670)	-	-	-	(478.045.670)
Tăng khác	-	89.172.748	-	787.722.274	102.935.908	67.703.111	1.047.534.041
Chênh lệch tỷ giá năm nay	-	-	(386.131)	-	-	-	(386.131)
Số dư cuối năm nay	320.000.000.000	91.683.218	(386.131)	1.339.410.756	102.935.908	100.093.816.688	421.627.460.439

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	260.722.000.000	81,48%	260.722.000.000	81,48%
Vốn góp của đối tượng khác	59.278.000.000	18,52%	59.278.000.000	18,52%
	320.000.000.000	100,00%	320.000.000.000	100,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	320.000.000.000	320.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>320.000.000.000</i>	-
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	<i>320.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>320.000.000.000</i>	<i>320.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	12.800.000.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>12.800.000.000</i>	-

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2009 ngày 08/05/2010, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận của năm 2009 như sau:

d) Cổ phiếu

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.000.000	32.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.000.000</i>	<i>32.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.000.000	32.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>32.000.000</i>	<i>32.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.439.452.887	551.688.482
Quỹ dự phòng tài chính	252.935.908	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
	1.692.388.795	551.688.482

19 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	(413.194.636)	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	489.000.000	4.372.000.000
Chi sự nghiệp (*)	(104.805.364)	(4.785.194.636)
	(29.000.000)	(413.194.636)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	409.278.104.548	184.952.942.796
	<u>409.278.104.548</u>	<u>184.952.942.796</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	1.160.427.284	1.576.475.027
	<u>1.160.427.284</u>	<u>1.576.475.027</u>

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	408.117.677.264	183.376.467.769
	<u>408.117.677.264</u>	<u>183.376.467.769</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	316.900.312.102	143.469.910.175
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(241.832.301)
	<u>316.900.312.102</u>	<u>143.228.077.874</u>

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	1.364.886.664	366.276.176
Lãi cho vay vốn, lãi bán hàng trả chậm	-	24.991.400
Lãi chuyển nhượng vốn, cổ phiếu đầu tư	2.466.200.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	448.400.000	442.777.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	15.549.277	5.898.305
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	114.136.550	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	866.185.890	-
	<u>5.275.358.381</u>	<u>839.943.381</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.164.511.108	1.170.866.765
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	799.770.787	395.410.001
Chi phí tài chính khác	218.962.217	-
	6.183.244.112	1.566.276.766

26 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	6.887.356.791	2.065.642.975
	6.887.356.791	2.065.642.975

27 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	75.145.495.452	38.290.729.108
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	75.145.495.452	38.290.729.108
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	32.000.000	32.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.348	1.197

28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ TẠO ĐIỆN CƠ HÀ NỘIKm12, Quốc lộ 32, Xã Phú Diễn,
Huyện Từ Liêm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Năm 2010 VND	Năm 2009 VND
Doanh thu bán hàng			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	28.440.996.640	3.690.466.500
Mua hàng			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	5.927.244.545	5.437.760.730
Vay vốn			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	-	10.000.000.000
Lãi vay vốn			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	3.514.999.670	475.416.667
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:			
	Mối quan hệ	31/12/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải trả khác			
- Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam	Công ty mẹ	35.208.570.992	35.208.570.992

30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại và trình bày lại do thay đổi chế độ kế toán. Thực hiện theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc thay đổi chế độ kế toán hiện hành, từ ngày 01/01/2010 số dư Quỹ khen thưởng, Phúc lợi được trình bày trong mục nợ ngắn hạn thay cho trước đây được trình bày trong mục vốn chủ sở hữu và chỉ tiêu Doanh thu chưa thực hiện được trình bày trong mục nợ dài hạn thay cho trước đây được trình bày tại chỉ tiêu Người mua trả tiền trước trong mục nợ ngắn hạn.

	Mã số	Phân loại và trình bày lại VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
Bảng cân đối kế toán			
Nợ ngắn hạn	310	140.268.414.559	143.565.455.926
Người mua trả tiền trước	313	13.972.199.275	20.138.550.040
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	2.869.309.398	-
Nợ dài hạn	330	6.347.324.530	180.973.765
Doanh thu chưa thực hiện	338	6.166.350.765	-
Vốn chủ sở hữu	400	359.331.742.479	362.201.051.877

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà
Tổng Giám đốc

Lập, ngày 18 tháng 02 năm 2011